TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/DS - ST
Ngày: 29 - 12 - 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG -TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Chạc.
2. Ông Vũ Mạnh Toàn.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 39/2023/TLST-TCDS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST – TCDS ngày 27 tháng 11 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST – TCDS ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Mai Thị L, sinh năm 1993;
Nơi ĐKHKTT: Khu phố G, thị trấn Q, huyện N, tỉnh Nam Định.
Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Bị đơn: Bà Trần Thị Q, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1987;
Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.
2. Ông Trần Văn A, sinh năm 1965;
Địa chỉ: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị L, anh T vắng mặt bà Q, ông A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày: Vợ chồng chị và vợ chồng ông Trần Văn A, bà Trần Thị Q không có quan hệ họ hàng với nhau nhưng đã quen biết nhau đã lâu. Mặt khác ông A khi đó là trưởng xóm F, xã N. Trên mối quan hệ với nhau nên chị trước đây đã cho bà Q vay tiền và đã thanh toán với nhau xong. Sau đó chị đã cho bà Q vay thêm một số lần nữa cụ thể như sau:

- Ngày 21/3/2022 bà Trần Thị Q hỏi vay chị số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để mua đất.

- Ngày 13/4/2022 bà Trần Thị Q hỏi vay chị số tiền là 270.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) cùng để thanh toán tiền mua đất. Sau đó chị đã cho bà q vay thêm số tiền trên.

- Ngày 20/5/2022 bà Trần Thị Q hỏi vay chị số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để trả tiền mua đất còn thiếu. Sau đó chị đã cho vợ bà Q vay số tiền trên.

Tất cả những lần cho vay chị và bà Q có viết giấy vay mượn với nhau. Ngày 20/5/2022 sau khi vay thêm chị số tiền 100.000.000 đồng thì bà Q đã xác nhận vào giấy vay mượn là bà Quyên A1 có vay vợ chồng chị số tiền là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*). Khi đó chị và bà Q đã thỏa thuận miệng với nhau khi nào cần thì chị báo trước một tuần thì bà Q chuẩn bị và sẽ thanh toán toàn bộ số tiền gốc cho vợ chồng chị.

Đến ngày 06/12/2022 thì chị có yêu cầu bà Q phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay của vợ chồng chị cho chị nhưng bà Q xin khất một hai ngày nữa sẽ trả cho vợ chồng chị. Ngày 08/12/2022 thì bà Q bỏ đi khỏi địa phương sau đó chị có đến nhà ông A1 bà Q để gặp ông A1 để yêu cầu vợ chồng ông A1 bà Q trả toàn bộ số tiền gốc đã vay của vợ chồng chị cho vợ chồng chị. Khi đó, ông A1 có nói chờ bà Q về rồi giải quyết. Sau đó, chị đã nhiều lần liên lạc với bà Q nhưng không được. Nay chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng yêu cầu bàTrần Thị Q1 phải thanh toán cho vợ chồng chị số tiền gốc đã vay là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên toà hôm nay bị đơn bà Trần Thị Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A không có mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã triệu tập bà Q và ông A đến Tòa án để làm việc nhưng bà Q và ông A không hợp tác. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã tiến hành niêm yết đầy đủ những văn bản tố tụng của Tòa án cũng như đăng công khai trên trên phương tiện thông tin đại chúng là B, Đ và cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định tại Điều 179

và Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn T trình bày: Anh là chồng của chị Mai Thị L. Tiền chị L cho bà Q vay là tà sản chung của hai vợ chồng anh. Khi cho bà Q vay số tiền trên vợ chồng anh cũng đã thống nhất với nhau. Nay anh có quan điểm như chị L về việc giải quyết vụ án là yêu cầu bà Trần Thị Q phải thanh toán cho vợ anh toàn bộ số tiền gốc đã vay là 470.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357; 463; 466 và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L. Buộc bà Trần Thị Q phải thanh toán cho vợ chồng chị Mai Thị L anh Phạm Văn T số tiền vay gốc là 470.000.000 đồng; Về án dân sự sơ thẩm đề nghị tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Q đăng kí hộ khẩu thường trú tại và cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Chị Mai Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Trần Thị Q và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Q và ông Trần Văn A vắng mặt nhưng bà Q và ông A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Q và ông A là phù hợp với khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn chị Mai Thị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay xác định bà Q vay tiền của chị L và có viết giấy biên nhận với nhau vào các ngày 21/3/2022, 13/4/2022 và 20/5/2022 có thoả thuận miệng khi nào cần thì Loan báo trước một tuần và không tính lãi, nhưng sau khi vay đến ngày 06/12/2022 chị L đã yêu cầu bà Q trả số tiền gốc cho vợ chồng chị

nhưng bà Q không trả. Sau đó chị L đã nhiều lần yêu cầu bà Q thanh toán số tiền gốc đã vay cho vợ chồng chị nhưng bà Q không không trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản không có lãi suất và không có kỳ hạn theo quy định tại các Điều 463, 468 và 469 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2022 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định trên cơ sở là quan hệ quen biết với nhau nên bà Q có vay của chị L tiền thể hiện qua giấy vay tiền ghi các ngày 20/5/2022 số tiền là 100.000.000 đồng; ngày 21/3/2022 số tiền là 100.000.000 đồng và ngày 13/4/2022 số tiền là 270.000.000 đồng có chữ ký của chị L và bà Q. Tổng số tiền bà Q vay của vợ chồng chị L là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*). Số tiền chị L cho vay lài tài sản chung của vợ chồng chị L anh T. Nay chị L khởi kiện yêu cầu bà Q trả nợ số tiền vay gốc là 470.000.000 đồng cho vợ chồng chị L anh T. Phía bà Q không có quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại giấy vay tiền và lời khai của chị Mai Thị L thể hiện việc vay mượn chỉ có chị và Q xác lập với nhau không có mặt ông A và giấy vay tiền chỉ có một mình bà Q ký xác nhận vào đó. Khi giao tiền chị L giao tiền trực tiếp cho bà Q không có mặt ông A. Như vậy, việc xác định ông A không liên quan đến việc vay nợ.

Vì vậy Hội đồng xét xử thấy căn cứ vào Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L về việc yêu cầu bà Trần Thị Q phải thanh toán số nợ gốc cho vợ chồng chị L anh T là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*).

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay vợ chồng chị Mai Thị L và anh Phạm Văn T không yêu cầu tính lãi nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp lại cho nguyên đơn. Bị đơn bà Trần Thị Q phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q2;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L: Buộc bà Trần Thị Q phải trả cho vợ chồng chị Mai Thị L anh Phạm Văn T tổng số tiền là 470.000.000 đồng (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày chị Mai Thị L có đơn yêu cầu thi hành án mà bà Trần Thị Q chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị Q phải nộp 22.800.000 đồng (*Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho chị Mai Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.400.000 đồng (*Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001037 ngày 03/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, anh T; vắng mặt bà Q, ông A. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Văn Chủng

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu văn phòng; HSVA.